

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIRAE**

Số: 21/2022/CV-CK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE**

- Mã chứng khoán: **KMR**
- Địa chỉ: Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ: 02743791038, Fax:02743791037, E-mail: thu@miraefiber.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn: <http://miraajsc.com/c46/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm :

CV giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào:

- Báo cáo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ Phần Mirae đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt.
- Báo cáo cáo tài chính quý 2 năm 2022 đã công bố ngày 20/07/2022.

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

1. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

Chỉ Tiêu	MS	Số liệu 6 tháng năm 2022 trên BCTC quý 2/2022	Số liệu 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét	Chênh lệch/+-	Chênh lệch%	Ghi chú
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	349,479,825,684	349,479,825,684	-	0%	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12,765,555	12,765,555	-	0%	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10	349,467,060,129	349,467,060,129	-	0%	
4. Giá vốn hàng bán	11	315,209,599,245	315,496,787,987	- 1,712,811,258	-1%	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=3-4)	20	34,257,460,884	35,970,272,142	1,712,811,258	5%	1.1.
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,967,480,154	1,967,480,154	-	0%	
7. Chi phí tài chính	22	6,104,608,044	6,248,240,853	143,632,809	2%	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5,732,869,732	5,627,636,753	- 105,232,979	-2%	
8. Chi phí bán hàng	24	16,065,578,155	16,065,578,155	-	0%	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	11,451,814,219	13,310,448,589	1,858,634,370	16%	1.2.
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2,602,940,620	2,313,484,699	- 289,455,921	-11%	
11. Thu nhập khác	31	9,913,612,181	10,134,183,625	220,571,444	2%	
12. Chi phí khác	32	1,235,019,687	1,865,101,775	630,082,088	51%	1.3.
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	8,678,592,494	8,269,081,850	- 409,510,644	-5%	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	11,281,533,114	10,582,566,549	- 698,966,565	-6%	1.4.
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,512,211,755	2,527,708,298	15,496,543	1%	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	8,769,321,359	8,054,858,251	- 714,463,108	-8%	1.4.

1.1. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 5% so với số liệu Công ty đã công bố Báo cáo quý 2 năm 2022, nguyên nhân do giá vốn giảm số tiền 1.7 tỷ do đơn vị phân loại nhầm chi phí quản lý doanh nghiệp vào chi phí sản xuất chung tại mục mã số 25.

1.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 16% tương đương số tiền giảm của giá vốn tại mục mã số 11 và chi phí tài chính (chi phí lãi vay) mã số 23.

1.3. Chi phí khác tăng 51% tương đương 630.082.088 đồng do ảnh hưởng từ các khoản tiền thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng nhập khẩu đã nộp của hàng mẫu, nguyên liệu đã sử dụng hết.

1.4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 6% và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 8% tương đương 714.463.108 đồng với số liệu Công ty đã công bố Báo cáo quý 2 năm 2022 ngày 20/07/2022 ảnh hưởng bởi sự thay đổi tăng của chi phí khác giải trình ở mục .3. trên đây

2. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Chỉ Tiêu	MS	6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2021	Chênh lệch/±	Chênh lệch %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	349,479,825,684	277,616,023,178	71,863,802,506	26%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12,765,555	-	12,765,555	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-2)	10	349,467,060,129	277,616,023,178	71,851,036,951	26%
4. Giá vốn hàng bán	11	313,496,787,987	235,032,663,137	78,464,124,850	33%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	35,970,272,142	42,583,360,041	-6,613,087,899	-16%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,967,480,154	849,762,104	1,117,718,050	132%
7. Chi phí tài chính	22	6,248,240,853	7,701,914,322	-1,453,673,469	-19%
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5,627,636,753	6,538,110,104	-910,473,351	-14%
8. Chi phí bán hàng	24	16,065,578,155	15,702,008,336	363,569,819	2%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13,310,448,589	10,650,783,223	2,659,665,366	25%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2,313,484,699	9,378,416,264	-7,064,931,565	-75%
11. Thu nhập khác	31	10,134,183,625	6,804,770,355	3,329,413,270	49%
12. Chi phí khác	32	1,865,101,775	1,033,062,444	832,039,331	81%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	8,269,081,850	5,771,707,911	2,497,373,939	43%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	10,582,566,549	15,150,124,175	-4,567,557,626	-30%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,527,708,298	3,274,977,339	-747,269,041	-23%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	8,054,858,251	11,875,146,836	-3,820,288,585	-32%

Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2022: 349.479.825.684 đồng

Năm 2021: 277.616.023.178 đồng

Tăng : 71.863.802.506 đồng

Tỷ lệ tăng : 26%

Nguyên nhân: Trong năm 2022 Công ty mở rộng sản xuất sau dịch Covid-19, đẩy mạnh công tác chào hàng (Marketing) nên khai thác được nhiều khách hàng hơn năm cùng kỳ hoạt động của năm 2021, góp phần cho lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng.

Chỉ tiêu giá vốn hàng bán

Năm 2022: 313.496.787.987 đồng

Năm 2021: 235.032.663.137 đồng

Tăng : 78.464.124.850 đồng

Tỷ lệ tăng : 33%

Nguyên nhân: Giá vốn tăng tỷ lệ thuận với doanh thu bán hàng, tuy nhiên trong năm 2022 đơn giá nguyên vật liệu chính (chiếm tỷ trọng cao) lại tăng trung bình lên tới mức trên 50% (gấp 1.5 lần) so với cùng kỳ năm ngoái ảnh hưởng tới tỷ trọng giá vốn trên doanh thu của 6 tháng đầu năm 2022 cao hơn so với 6 tháng đầu năm 2021. Vì vậy giá vốn hàng bán tăng 33%, điều này làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm mức là 75%, đây là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế giảm 30% so với cùng kỳ năm 2021.

Chỉ tiêu chi phí khác

Năm 2022: 1.865.101.775 đồng

Năm 2021: 1.033.062.444 đồng

Tăng : 832.039.331 đồng

Tỷ lệ tăng : 81%

Nguyên nhân: Năm 2022 Công ty không khấu hao tài sản cố định đang ngưng sử dụng tăng, thêm vào đó là khoản tiền thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp và đã đưa vào sử dụng nên phát sinh khoản này vào chi phí khác so với cùng kỳ năm 2021

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2022: 8.054.858.251 đồng

Năm 2021: 11.875.146.836 đồng

Giảm : 3.820.288.585 đồng

Tỷ lệ giảm : 32%

Nguyên nhân: Chủ yếu đến từ đơn giá nguyên vật liệu chính (chiếm tỷ trọng cao) tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái ảnh hưởng tới tỷ trọng giá vốn trên doanh thu của 6 tháng đầu năm 2022 tăng cao tới 33%, điều này làm cho lợi nhuận trước và sau thuế giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu tài chính chênh lệch tăng, giảm trên 10% so với cùng kỳ, Công ty Cổ phần Mirae xin cam kết nội dung giải trình trên là đúng với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
TỔNG GIÁM ĐỐC



PARK HEE SUNG